|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NINH THUẬN  **BAN ĐIỀU HÀNH CHUYỂN ĐỔI SỐ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: /KH-BĐHCĐS | *Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2024* |

**Dự thảo**

# KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN

# Phần I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

## I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu, tham gia tích cực của cơ quan, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong tổng số 13 chỉ tiêu theo Kế hoạch số 956/KH-BĐHCĐS ngày 16/3/2023 của BĐHCĐS về triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh, đề ra 23 chỉ tiêu cụ thể/4 nhóm mục tiêu chính. Trong năm 2023, có 17/23 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; còn 04/23 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, trong đó có 02/23 chỉ tiêu chưa có số liệu đánh giá, cụ thể [[[1]](#footnote-1)].

Nhìn chung, tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh tuy còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo hỗ trợ kịp thời của Trung ương, sự quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền và sự tham gia tích cực của cơ quan, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đã được đẩy mạnh và đạt một số kết quả bước đầu quan trọng, tạo nền tảng, động lực cho chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

### 1. Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức số, kỹ năng số

#### 1.1. Ngày Chuyển đổi số

Thực hiện hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc truyền thông hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó bao gồm các hoạt động: Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về ngày chuyển đổi số; Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông về Chuyển đổi số. Công tác truyền thông về chuyển đổi số được cơ quan chức năng trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền, cập nhật, phổ biến trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh [[[2]](#footnote-2)].

Các hình thức truyền thông hưởng ứng: treo khẩu hiệu tại trụ sở, đặt banner trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị để lan truyền thông điệp Ngày Chuyển đổi số Quốc gia “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh về tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số phục vụ xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới văn minh năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Ninh Thuận phối hợp với Tỉnh đoàn tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023. Cuộc thi được tổ chức dưới hai hình thức trực tuyến và trực tiếp.

Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1076/KH-UBND ngày 23/03/2023 và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trên địa bàn tỉnh.

#### 1.2. Cách làm về chuyển đổi số

Tỉnh Đoàn đã ban hành Chương trình số 05-CTr/TĐTN-VP nâng cao năng lực số cho Đoàn viên, thanh thiếu niên giai đoạn 2023 - 2025 [[[3]](#footnote-3)]; tổ chức Ngày hoạt động cao điểm tình nguyện trong Tháng thanh niên năm 2023 với nội dung tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), đăng ký tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2; tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số phục vụ xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới văn minh năm 2023 đã thu hút được 1.482 lượt thí sinh tham gia là cán bộ, đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên trong và ngoài tỉnh tham gia. Đoàn thanh niên Công an tỉnh tổ chức các hoạt động Tháng thanh niên năm 2023, triển khai chương trình CĐS trong Công an tỉnh (triển khai Đề án 06/CP) để hỗ trợ người dân thực hiện DVCTT và hướng dẫn công dân cài đặt ứng dụng VNeID.

Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức gặp gỡ đối thoại với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh nhằm tháo sỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Ninh Thuận phối hợp với Tỉnh đoàn tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023. Cuộc thi được tổ chức dưới hai hình thức trực tuyến và trực tiếp. Cục Thuế tỉnh đã triển khai Chương trình “Hóa đơn may mắn” (với tổng giải thưởng 30 triệu/quý) để khuyến khích người mua hàng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; Tạo lập thói quen tiêu dùng văn minh, mua bán hàng hóa phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, bảo vệ quyền lợi cho người mua và khuyến khích người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

### 2. Thể chế số

#### 2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số

Ban Chỉ đạo CĐS tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2023; Ban Điều hành CĐS tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện CĐS năm 2023; Tổ công tác Đề án 06 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06/CP năm 2023 trên địa bàn tỉnh; ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành 45 Quyết định/Kế hoạch/Chỉ thị để triển khai thực hiện công tác CĐS trên địa bàn tỉnh *(chi tiết tại Phụ lục 2).*

#### 2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện về chuyển số gồm: Nghị quyết, Chương trình hành động, Quyết định và các Kế hoạch, cụ thể: [[[4]](#footnote-4)]

### 3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số

#### 3.1. Kết quả đạt được

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của tỉnh triển khai theo mô hình điện toán đám mây cho tất cả các ứng dụng của tỉnh: Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thư điện tử, Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Phần mềm chỉ đạo điều hành, Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, Dịch vụ giám sát an toàn thông tin và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành,… 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh; 100% CQNN đều có mạng nội bộ, kết nối mạng Internet băng rộng, mạng diện rộng của tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương; mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II đã được triển khai, kết nối từ Trung ương đến cấp xã. [[[5]](#footnote-5)].

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình cáp. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang để cung cấp dịch vụ internet cố định băng rộng và dịch vụ truy nhập internet 3G, 4G được phủ đến 100% số thôn trên địa bàn tỉnh. Đã lắp đặt 75 trạm 5G (5G NSA) trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh là 434.958 máy/598.683 người, đạt 72,65%; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có điện thoại thông minh là 434.958 máy/442.564 người, đạt 98,28%; tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng 127.367 thuê bao/165.133 hộ, đạt 77,13%.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1146/KH-UBND về phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu tập trung tăng cường chất lượng kỹ thuật và khả năng đáp ứng của hạ tầng số, phục vụ mạnh mẽ các môi trường đầu tư kinh doanh, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương hoàn thành kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư để làm sạch thông tin thuê bao di động và xử lý triệt để tình trạng SIM rác [[[6]](#footnote-6)].

Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh: được triển khai phần mềm ảo hóa và điện toán đám mây theo công nghệ mã nguồn mở để quản lý và tối ưu hóa hạ tầng máy chủ và thiết bị mạng. Trung tâm THDL tỉnh với hơn 21 máy chủ và nhiều thiết bị mạng, thiết bị bảo mật chuyên dụng (Coreswitch, Firewall, Antispammail, thiết bị IDS/IPS, hệ thống lưu trữ (SAN), thiết bị lưu trữ tập trung (NAS); thiết bị chống sét trên đường truyền mạng LAN; giao thức truy cập bảo mật HTTPS,...) duy trì hoạt động thông suốt, ổn định, đảm bảo an toàn, bảo đảm ngăn ngừa các cuộc tấn công từ bên ngoài, khai thác sử dụng 24/7, hạn chế tối đa việc mất an toàn thông tin và dữ liệu. [[[7]](#footnote-7)]

#### 3.2. Tồn tại, hạn chế

Phát triển hạ tầng số còn nhiều khó khăn, thách thức, chưa đáp ứng được yêu cầu. Hạ tầng công nghệ thông tin đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, sử dụng công nghệ tiên tiến, theo tiêu chuẩn trong nước và thế giới; tuy nhiên mới chỉ đáp ứng việc phục vụ duy trì, vận hành chính phủ điện tử, chưa mở rộng năng lực tính toán, lưu trữ để triển khai các ứng dụng cho ĐTTM như tính toán song song, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn. Hạ tầng công nghệ thông tin của các Sở, ban, ngành, địa phương chưa được đầu tư, nâng cấp kịp thời, thiếu tính đồng bộ, một số phòng ban, đơn vị còn sử dụng các dòng máy tính cũ, lạc hậu, có hiệu xuất thấp, xử lý công việc chậm, không đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thời gian tới.

### 4. Dữ liệu số

#### 4.1. Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận. Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở thực hiện kết nối, tích hợp các dữ liệu về hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Kết nối thành công CSDLQG về dân cư với Cổng DVCTT tỉnh và tổ chức khai thác có hiệu quả Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; hiện đang triển khai kết nối CSDLQG về dân cư với cơ sở dữ liệu (CSDL) về CBCCVC; đăng ký kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số theo đề nghị của Cục Chuyển đổi số quốc gia.

Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả CSDLQG về dân cư theo Đề án 06/CP; thực hiện tốt việc kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư [[[8]](#footnote-8)];

Trên cơ sở Quy chế quản lý, khai thác dữ liệu tỉnh, danh mục CSDL của tỉnh và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận, phiên bản 2.0, trong đó có mô hình kiến trúc dữ liệu chung của tỉnh; xác định dữ liệu số là tài nguyên mới, năm 2023 là năm “tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”, các cấp ủy đảng đã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện số hóa, xây dựng, kết nối và chia sẻ khai thác sử dụng CSDL của ngành, CSDL dùng chung của tỉnh và CSDL quốc gia [[[9]](#footnote-9)].

#### 4.2. Tồn tại, hạn chế

Các cơ sở dữ liệu còn mang đặc thù riêng của từng cơ quan, ngành, lĩnh vực mà chưa xây dựng và công bố những tiêu chuẩn chung để thuận lợi cho việc cập nhật và khai thác dữ liệu; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính Nhà nước cũng như quy định về cơ chế tích hợp, chia sẻ dữ liệu còn thiếu; thói quen cát cứ dữ liệu còn tồn tại ở nhiều cơ quan, đơn vị; việc triển khai và chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của các Bộ ngành Trung ương cho địa phương còn nhiều khó khăn, thiếu tính đồng bộ, kết nối, kể cả giữa các hệ thống thông tin trong một Sở, ngành.

Bên cạnh đó, việc kết nối, chia sẻ, mở các cơ sở dữ liệu của cả khu vực công và tư rất hạn chế, chủ yếu là cát cứ thông tin; điều này làm lãng phí nguồn lực, cản trở triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ số. Việc duy trì hoạt động, nâng cấp, bảo trì hệ thống, đảo đảm an toàn thông tin, cập nhật dữ liệu thường xuyên đối với các hệ thống thông tin chuyên ngành còn nhiều hạn chế; có một số phần mềm, cơ sở dữ liệu đã lạc hậu không sử dụng được do không được duy trì, nâng cấp, cập nhật dữ liệu thường xuyên.

### 5. Nền tảng số

Duy trì, nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)  phục vụ cho việc gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh với Trung ương qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), đến nay đã thực hiện kết nối với 08/15 cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia thông qua trục NGSP. Nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Data warehouse) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, hiện đang triển khai tích hợp CSDL các ngành (CSDL về Bảo trợ xã hội, CSDL về giá, CSDL về giáo dục và đào tạo, CSDL Báo cáo KTXH, CSDL về Dịch vụ công và CSDL về Phản ánh hiện trường) vào Data warehouse để chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu mở của tỉnh cho các CQNN, doanh nghiệp và người dân để khai thác sử dụng theo quy định. Hệ thống thông tin KTXH của tỉnh đã đưa vào vận hành và kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ.

Triển khai thí điểm Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT, CĐS; phần mềm quản lý CBCCVC để cập nhập, quản lý dữ liệu về CBCCVC. Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số: Bưu điện tỉnh đã thu thập, gán mã địa chỉ số với tổng số 146.338 địa chỉ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, cơ sở y tế, giáo dục, điểm cung cấp dịch vụ bưu chính của Bưu điện và các địa chỉ nhà dân trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, hiện nay có hơn 41 phần mềm, CSDL quản lý chuyên ngành để phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, cơ quan, đơn vị.

### 6. Nhân lực số

Toàn tỉnh có 87 công chức, viên chức làm việc kiêm nhiệm và chuyên trách về CNTT, có 04 CCVC chuyên trách CNTT đã tham gia lớp bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt CĐS; thành lập 446 Tổ CNS cộng đồng cấp xã, thôn/khu phố với 2.439 thành viên; đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về CĐS cho 210 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã, 983 thành viên Tổ CNS cộng đồng và 150 cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên làm lực lượng nòng cốt để tham gia vào công tác tham mưu triển khai thực hiện công tác CĐS, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân, qua đó thúc đẩy nhanh quá trình CĐS của tỉnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và kỹ năng số các cho CBCCVC của các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể và địa phương được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Năm 2023, đã tổ chức 10 lớp/1.343 người theo Kế hoạch số 1718/KH-UBND ngày 30/4/2023 của UBND tỉnh (01 lớp cấp tỉnh (65 người) và 9 lớp cấp huyện: (huyện Ninh Hải 04 lớp: 410 người; huyện Ninh Phước 01 lớp: 164 người; huyện Thuận Bắc 01 lớp: 147 người; huyện Thuận Nam 01 lớp: 182 người); huyện Ninh Sơn 155 người; thành phố Phan Rang-Tháp Chàm 01 lớp: 220)); triển khai đào tạo diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin cho 41 cán bộ chuyên trách. Ngoài ra, phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên nền tảng OneTouch cho 1.532 CBCCVC trên Nền tảng học trực tuyến; phối hợp Bộ Công an và Đại học Bách khoa Hà Nội đào tạo trực tuyến theo Đề án 06/CP cho 717 CBCCVC.

Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn tổ chức thành công Hội thi Tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận lần thứ XX năm 2023, với 129 hồ sơ đăng ký dự thi, tăng 27 hồ sơ so với năm 2022. Kết quả Hội thi, Ban Tổ chức đã trao giải thưởng cho 12 thí sinh đạt giải, đồng thời chọn 04 thí sinh đại diện ở 03 cấp học tham gia Hội thi tin học trẻ toàn quốc.

### 7. An toàn thông tin mạng

Duy trì hoạt động Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp. Hệ thống đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định; 100% (28/28) hệ thống thông tin CQNN được phê duyệt và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ, đáp ứng các tiêu chí về an toàn thông tin để kết nối vào CSDLQG về dân cư.

Triển khai đầu tư, nâng cấp các thiết bị, phần mềm bảo đảm an ninh mạng trong các cơ quan đảng, mặt trận, đoàn thể; xây dựng các giải pháp an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống mạng công nghệ thông tin các cơ quan đảng trong toàn đảng bộ tỉnh; ứng dụng các giải pháp an ninh, mã hóa đường truyền, mã hóa các trang thiết bị đầu cuối của hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin cho Hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức - xây dựng Đảng, phần mềm chuyên ngành Ủy ban kiểm tra. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên máy tính, mạng máy tính, bố trí máy tính phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy để thực hiện việc quản lý, lưu trữ, khai thác các văn bản có độ “Mật” trở lên.

Công an tỉnh đã triển khai xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ đối với 04 hệ thống thông tin quan trọng của ngành theo quy định; kết nối mạng BCAnet và các hệ thống CSDL của lực lượng Công an; theo dõi vận hành hệ thống giám sát an ninh kênh truyền phục vụ dự án CSDLQG về dân cư tại Trung tâm mạng BCAnet.

Triển khai sử dụng nền tảng ứng cứu sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh, với 30 thành viên; theo dõi triển khai khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo của Cục An toàn thông tin; tiếp tục rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin để bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi triển khai kết nối, khai thác CSDLQG về dân cư. Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) hoạt động ổn định, thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ thông tin giám sát, thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Trong năm, công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của tỉnh được tăng cường và đảm bảo, không có sự cố tấn công mạng xảy ra tại tỉnh. [[[10]](#footnote-10)]

### 8. Chính quyền số

#### 8.1. Kết quả đạt được

- Duy trì, triển khai thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ tại Tỉnh ủy và tất cả các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Hiện nay, có 38 đơn vị tham gia Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ. Từ ngày 01/01-31/10/2023 đã tổ chức 112 phiên họp.

- Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối liên thông 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện và 65/65 xã, phường, thị trấn, đảm bảo 100% cuộc họp qua hội nghị truyền hình giữa UBND tỉnh với các CQNN, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tỉnh đã thực hiện số hóa 895 biểu trong đó: 475 biểu báo cáo và 420 biểu số liệu; Trong năm 2023 đã thực hiện số hóa cập nhật 626/528 biểu điện tử được giao, với hơn 340 tài khoản tham gia hệ thống.

- Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp uỷ, cập nhật thông tin, số liệu cụ thể của từng bộ phận chuyên môn, các đơn vị phục vụ kịp thời công tác tham mưu, tổng hợp góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong các cơ quan Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị-xã hội tỉnh Ninh Thuận. Đến nay, có 47 cơ quan, đơn vị tham gia nhập liệu trên phần mềm với gần 250 tài khoản; 710/1.030 biễu mẫu báo cáo thuộc 7 lĩnh vực đã được nhập liệu lên hệ thống.

- Phần mềm hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD.Office): Toàn tỉnh hiện có 26/26 Sở, ban, ngành và 7/7 UBND cấp huyện, 65/65 UBND cấp xã đã triển khai Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc được tích hợp chứng thư số và được gắng mã định danh. Đồng thời, bổ sung chức năng quản lý tài liệu và lưu trữ điện tử trên phần mềm TD.Office. Hiện nay, việc trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) đạt 98,90% đối với cấp tỉnh, 96,52% đối với cấp huyện và 94,89% đối với cấp xã. Việc sử dụng chữ ký số cá nhân toàn tỉnh đạt 97,22% tăng 9,48% so với cùng kỳ (cấp tỉnh 98,91%; cấp huyện 97,40%; cấp xã 94,64%). [[[11]](#footnote-11)]

- Hệ thống thư điện tử công vụ: Đến nay, đã tạo mới 1.132 tài khoản, tổng số thư hiện tại 8.122, khôi phục mật khẩu: 392 tài khoản; thường xuyên theo dõi chặn lọc thư rác hàng ngày, trung bình khoảng 200 thư/ngày, chặn tài khoản phát tán thư rác vào hệ thống 42 tài khoản. [[[12]](#footnote-12)]

- Cổng/Trang thông tin điện tử:Đã chuyển đổi công nghệ IPv4 sang IPv6 và kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; được theo dõi, giám sát, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp. Hoàn thiện mở tiểu mục Đề án 06/CP trong mục Chuyển đổi số trên Chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận nhằm hỗ trợ người dùng trong việc truy xuất và cập nhật thông tin kịp thời các văn bản liên quan đến Đề án 06 của Trung ương và của tỉnh. [[[13]](#footnote-13)]

- Cổng dịch vụ công trực tuyến: Toàn tỉnh có 823 dịch vụ công trực tuyến (334 DVCTT toàn trình và 489 DVCTT một phần) [[[14]](#footnote-14)].

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/11/2023 thì toàn tỉnh đã tiếp nhận được 328.508 hồ sơ, trong đó có 273.500 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chiếm 83,26%, 54.781 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 16,68% và 227 hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích chiếm 0,06%. Đã giải quyết được 324.770 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 322.647 hồ sơ chiếm 99,35%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 2.123 hồ sơ chiếm 0,65%. Cụ thể: [[[15]](#footnote-15)]

- Hoàn thiện mở tiểu mục Đề án 06/CP trong mục Chuyển đổi số trên Chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận nhằm hỗ trợ người dùng trong việc truy xuất và cập nhật thông tin kịp thời các văn bản liên quan đến Đề án 06 của Trung ương và của tỉnh.

- Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và điều hành đô thị thông minh (IOC) hoạt động ổn định; Trung tâm IOC được kết nối, tích hợp 12 hệ thống thông tin để theo dõi, giám sát; thực hiện chế độ báo cáo kết quả giám sát tình hình hoạt động Trung tâm SOC và IOC hàng tuần và phát hành bản tin điện tử SOC và IOC hàng tháng gửi cho các sở, ban, ngành, địa phương, UBND tỉnh để biết chỉ đạo. Hệ thống camera giám sát kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ tại khu vực nội đô thành phố PRTC và tuyến Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh; phối hợp thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thực hiện hoàn thành dự án xây dựng đô thị thông minh thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn 2021-2025 (đối với hạng mục giải pháp công nghệ); đưa Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố đi vào hoạt động. Sở Thông tin và Truyền thông hiện đang phối hợp với Công ty Cổ phần FPT triển khai xây dựng phần mềm Smart Ninh Thuận để phục vụ chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

- Công tác giám sát thông tin trên internet và mạng xã hội: Tính đến cuối tháng 10/2023, giám sát thông tin trên mạng xã hội (https://social1.soc.gov.vn) với tổng lượt giám sát: 145.875. Có 176.991 tin liên quan tỉnh Ninh Thuận, trong đó: tích cực: 17.242 (9,7% tổng số tin), tiêu cực: 3.971 (2,3% tổng số tin) và trung lập: 155.778 (88,0% tổng số tin). Các tin tiêu cực được Sở sàng lọc và phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xác định hành vi và xử lý.

Thực hiện kết nối, khai thác sử dụng hiệu quả 10 CSDL/Hệ thống thông tin quốc gia; Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối liên thông 4 cấp Trung ương đến tỉnh, huyện và xã; triển khai các hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo chỉ đạo, điều điều hành hoạt động hiệu quả [[[16]](#footnote-16)]. Chính quyền số từng bước được hình thành và phát triển, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, tổng hợp và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh; việc việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử tăng cao; hầu hết các Sở, ngành đều triển khai kết nối, khai thác sử dụng hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư; số hóa, xây dựng CSDL chuyên ngành [[[17]](#footnote-17)].

### 8.2. Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC, dịch vụ công qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế.

Việc tiếp nhận, cập nhật, xử lý và trả kết quả trên hệ thống còn hạn chế chưa đầy đủ, còn nhiều hồ sơ khi tiếp nhận giải quyết mà không cập nhật trên hệ thống dẫn đến số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và số lượng TTHC có phát sinh hồ sơ trên hệ thống là không cao (chưa đúng với thực tế tiếp nhận, giải quyết hồ sơ tại các sở, ngành, địa phương); việc xử lý hồ sơ hầu hết đều do bộ phận một cửa cập nhật kết quả xử lý mà chưa thực hiện tròn quy trình, ký số trên hệ thống; vẫn còn tình trạng chậm cập nhật, trả kết quả trên hệ thống, nhất là đối với các hồ sơ ở cấp huyện; tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt thấp.

### 9. Kinh tế số

Thương mại điện tử: Đã thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn và kích hoạt tài khoản bán hàng cho 95 đơn vị tham gia giới thiệu, bán sản phẩm với hơn 350 sản phẩm (trong đó 123 sản phẩm OCOP của 50 đơn vị) tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (http://sanphamninhthuan.vn), đạt 100%, vượt 10% kế hoạch giao). Thống kê năm 2023, trên sàn có 253 tài khoản tham gia sàn với 128 đơn đặt hàng, tổng giá trị giao dịch 52.969.000 đồng. Triển khai vận hành khai thác sử dụng sàn TMĐT tỉnh với tên miền sanphamninhthuan.vn kể từ ngày 30/12/2022; xây dựng kế hoạch phát triển TMĐT năm 2023. Tổ chức Tuần lễ giao dịch sàn TMĐT tỉnh Ninh Thuận năm 2023 từ ngày 12 đến ngày 18/6/2023, với các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội (zalo, facebook, youtube); kết nối, hướng dẫn tham gia gian hàng trên sàn TMĐT tỉnh Ninh Thuận năm 2023; Tổ chức Tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại cho các tổ chức, doanh nghiệp khu vực Nam Trung Bộ thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2023.

Kết quả hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở HTX, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên các sàn giao dịch thương mại điện tử Sendo, Voso, PostMart, cụ thể: [[[18]](#footnote-18)]

Doanh nghiệp công nghệ số: Trên địa bàn tỉnh hiện có 876 doanh nghiệp đang hoạt động có đăng ký ngành nghề thuộc các loại hình sản xuất phần cứng, phần mềm, điện tử, cung cấp dịch vụ CNTT, phân phối sản phẩm CNTT [[[19]](#footnote-19)]; 100% doanh nghiệp đã triển khai chữ ký số, phần mềm kế toán điện tử và các nền tảng số; 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) [[[20]](#footnote-20)]. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1061/KH-UBND hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với số tiền 580 triệu đồng, đến nay đã có 04 doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021… Cục thuế tỉnh đã triển khai thành công hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 04/CT-UBND. [[[21]](#footnote-21)]

Năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2024-2028; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với số tiền 580 triệu đồng, đến nay đã có 04 doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021… Cục thuế tỉnh đã triển khai thành công HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 04/CT-UBND.

Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt: Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã triển khai kết nối thanh toán với các đơn vị trường học, bệnh viện, công ty điện, công ty cấp thoát nước, công ty vệ sinh môi trường, các công ty viễn thông, bưu chính trên địa bàn đô thị để thanh toán thu học phí, viện phí, tiền điện... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ. [[[22]](#footnote-22)]

Trong thời gian qua, tập trung chỉ đạo triển khai, thúc đẩy các hoạt động thương mại điện tử, thương mại số, sử dụng hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt,…[[[23]](#footnote-23)]

### 10. Xã hội số

Đẩy mạnh triển khai các nền tảng hỗ trợ giáo dục và dạy học, hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, công dân số, thanh toán số trên địa bàn tỉnh [[[24]](#footnote-24)]. Thu thập và cập nhập lên phần mềm nền tảng địa chỉ số là 146.587 địa chỉ, đạt 100% (trong đó địa chỉ nhà tư nhân là 144.319 địa chỉ).

Hệ thống phản ánh hiện trường hoạt động hiệu quả, giúp nâng cao hiệu quả tương tác giữa người dân với chính quyền. Trong năm 2023, hệ thống đã tiếp nhận là 470 phản ánh (lũy kế 2.343 phản ánh); chuyên mục Hỏi - Đáp tiếp nhận và trả lời 36 câu hỏi của người dân, doanh nghiệp. Hầu hết các phản ánh, câu hỏi đều được các sở, ban, ngành, địa phương trả lời đúng thời hạn quy định, nội dung trả lời rõ ràng, cụ thể được đa số người dân đồng tình.

Triển khai phát triển, từng bước hình thành công dân số (tính đến tháng 6/2023, tỉnh Ninh Thuận đã hoàn thành việc thu nhận hồ sơ CCCD cho 561.747/561.747 công dân đủ điều kiện cấp CCCD, đạt 100%. Tính đến ngày 15/11/2023 toàn tỉnh thu nhận hồ sơ cấp CCCD cho 618.741 trường hợp. [[[25]](#footnote-25)].

### 11. Kinh phí thực hiện

Các nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin triển khai thực hiện của các cơ quan nhà nước năm 2023.[[[26]](#footnote-26)]

# Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

## I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

* *Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử;*

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng   
Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng   
Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số hằng năm;

* *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*
* *Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

- Kế hoạch số 4108/KH-UBND ngày 11/11/2020 về việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chủ trương đầu tư chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Chương trình hành động số 59-CTr/BCSĐ ngày 27/01/2022 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030;

- Kế hoạch số 3566/KH-UBND ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 4/03/2023 của Ủy ban nhhân dân tỉnh Về việc triển khai thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch 1146/KH-UBND ngày 28/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị 08/CT-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch [4546/KH-UBND](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/6B9B2CAA9411E2EB47258A59002CD2A1?OpenDocument) ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh [về việc Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/6B9B2CAA9411E2EB47258A59002CD2A1?OpenDocument);

- Quyết định số [815/QĐ-UBND](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/2021/vbden.nsf/str/26E30B692A90AFB3472587AA000C739E?OpenDocument) ngày 12/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh [Về việc phê duyệt Kiến trúc Chín\h quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận, phiên bản 2.0](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/2021/vbden.nsf/str/26E30B692A90AFB3472587AA000C739E?OpenDocument);

- Quyết định số 71/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

- Bám sát, triển khai thực hiện đầy đủ, nhất quán các định hướng, mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhóm giải pháp, biện pháp nhằm đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2024, tỉnh tập trung công tác chuyển đồi số phù hợp với hướng chuyển đổi số quốc gia: Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền thông, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Ninh Thuận tổng thể, toàn diện, tập trung hoàn thiện hạ tầng số; khai thác, chia sẻ, kết nối sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu; ưu tiên thúc đẩy thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, nhất là các ngành kinh tế, lĩnh vực trọng điểm; phục vụ hoạt động của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số hóa cơ sở dữ liệu dịch vụ; nâng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh (DTI) năm 2024 thuộc nhóm khá của cả nước.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số hướng tới thực hiện mục tiêu toàn diện theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 20212025, tầm nhìn đến năm 2030.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% địa bàn thôn có dân cư.

- 100% hạ tầng CNTT được rà soát, nâng cấp, đảm bảo liên thông kết nối từ tỉnh đến cấp huyện và phường xã thị trấn.

- Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh đạt 100%

#### 2.2. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử.

- 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chinh Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật).

- Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống điện tử lãnh đạo, quản lý, điều hành, giám sát công việc; ứng dụng Chữ ký số trong các giao dịch điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống hội nghị trực tuyến…

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 60%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt 70%.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 75% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông,   
chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 100% Cổng/Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành và địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm; Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự,quốc phòng).

- Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị có một sản phẩm cụ thể.

#### 2.3. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 7%

- 100% sản phẩm OCOP của tỉnh được đưa lên các sàn thương mại điện tử nội địa.

#### 2.4. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh thực hiện cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền đạt trên 80%.

- Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên số có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt trên 70%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

- Đảm bảo mỗi người dân có một danh tính số, một chữ ký số cá nhân, một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, một tài khoản thanh toán số (người dân trưởng thành), có kỹ năng số và có phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản[[27]](#footnote-27).

#### 2.5. An toàn thông tin

* Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ của tỉnh được phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ đạt 100%.
* Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt đạt 90%.
* Tỷ lệ máy chủ, máy trạm trong cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) đạt 100%.
* Tỷ lệ IP botnet trong cơ quan nhà nước được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc đạt 100%.
* Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) đạt 100%.
* Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đạt 100%.
* Tỷ lệ các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng đạt 100%.

## III. NHIỆM VỤ

### 1. Nhận thức số

* Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2024.
* Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình hay về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân.
* Truyền thông, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi ý kiến góp ý người dân các kế hoạch và sản phẩm chuyển đổi số tỉnh.
* Vận hành hiệu quả Cổng thông tin Chuyển đổi số của tỉnh. Tích cực tham gia vào kênh truyền thông “Chuyển đổi số Quốc gia” cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số tỉnh.
* Tiếp tục xây dựng chương trình truyền thông trên các báo, đài để thực hiện tuyên truyền kết quả triển khai chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo, … của tỉnh.
* Triển khai bộ nhận diện Hệ thống thông tin Chính quyền số tỉnh.

**2. Thể chế số**

Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

Tiếp tục triển khai quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, rà soát xây dựng bổ sung các chương trình, kế hoạch, giải pháp phù hợp để chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được nêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021.

* Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận.
* Xây dựng, hoàn thiện các quy định phục vụ triển khai Chiến lược quản trị dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác thu thập, tạo lập, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở [[28]](#footnote-28).

- Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Xây dựng Quy định tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Xây dựng chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử quy định tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

### 3. Hạ tầng số

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT hệ thống Chính quyền điện tử từ tỉnh đến phường xã, thị trấn đảm bảo liên thông kết nối thông suốt, an toàn thông tin theo mô hình thống nhất.

- Duy trì, khai thác sử dụng hiệu quả trung tâm tích hợp dữ liệu tập trung để phục vụ nhu cầu quản lý của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung, hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đảm bảo hạ tầng nền tảng phát triển dịch vụ đô thị thông minh và nền tảng IoT.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cao chất lượng đường Internet cáp quang băng rộng; phủ sóng di động trên địa bàn tỉnh. Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động. Triển khai lộ trình ngừng sử dụng công nghệ di động 2G (thế hệ cũ) trên địa bàn tỉnh. Tận dụng tối đa lợi thế mạng 5G khi được thương mại hóa, tìm ra những ứng dụng mới, đẩy mạnh trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động đổi mới và thúc đẩy, tạo phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ các dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ dùng chung của tỉnh, đưa vào sử dụng nền tảng LGSP và kết nối với hệ thống NGSP quốc gia; tích hợp các hệ thống thông tin của tỉnh và cơ quan Trung ương.

### 4. Dữ liệu số

a) Phát triển cơ sở dữ liệu:

* Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tiếp tục tập trung vào 3 nhóm dữ liệu: (1) Nhóm dữ liệu phục vụ quản lý đất đai - đô thị: dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông,…(2) Nhóm dữ liệu liên quan đến thông tin của người dân: dữ liệu y tế, giáo dục, an sinh xã hội, văn hóa, du lịch, …(3) Nhóm dữ liệu về phát triển tài chính - doanh nghiệp: dữ liệu về thu chi ngân sách, thuế, xuất nhập khẩu, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể,…
* Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm đảm bảo dữ liệu được cập nhật, duy trì liên tục.
* Tổ chức triển khai xây dựng, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số   
  17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

b) Cung cấp dữ liệu mở

- Triển khai cung cấp dữ liệu mở thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. Tập trung các dữ liệu về cải cách hành chính, dự án đầu tư công, quy hoạch đô thị, trường học, bệnh viện, giao thông, môi trường, an toàn công cộng, kinh tế, xã hội, sự kiện văn hóa thể thao, công trình công cộng.

* Vận hành, khai thác hiệu quả Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

c) Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức:

* Tiếp tục số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gắn với định danh công dân theo Đề án 06, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.
* Số hóa tài liệu lưu trữ cơ quan song song với việc xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức.

### 5. Nền tảng số

- Duy trì, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đảm bảo nhiệm vụ kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP).

- Tiếp tục duy trì và sử dụng các nền tảng đã triển khai phục vụ công tác quản lý ngành giáo dục, y tế, giao thông, tài nguyên và môi trường…

- Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức.

- Tiếp tục vận hành, hoàn thiện Nền tảng tổng hợp, báo cáo Kinh tế - Xã hội. Tập trung triển khai hệ thống theo dõi theo bộ chỉ số quản trị điều hành Kinh tế - Xã hội các cấp, các ngành trên quy mô toàn tỉnh.

- Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung tỉnh gắn liền với hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước và việc giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn; tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu để tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Đẩy mạnh phát triển các hệ thống thông tin địa lý GIS trên nền tảng Bản đồ số tỉnh.

- Triển khai kết nối Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với Bản đồ số tỉnh và mở rộng ứng dụng, khai thác, sử dụng dữ liệu địa chỉ số.

- Xây dựng phần mềm hỗ trợ, đánh gía chỉ số chuyển đổi số các Sở, ngành, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

### 6. Nhân lực số

- Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn địa phương.

* Xây dựng kho học liệu số dùng chung phục vụ chuyển đổi số Ngành giáo dục và đào tạo.
* Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao; kỹ năng ứng dụng công nghệ số và an toàn thông tin; trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định.
* Tiếp tục thiết lập, triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu sử dụng các nền tảng số.
* Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số trên [Nền tảng học trực tuyến mở đại trà](https://onetouch.mic.gov.vn/courses?category=2) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### 7. An toàn thông tin mạng

- Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh; 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định. Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng trong các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### 8. Chính quyền số

a) Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến

- Tiếp tục đẩy mạnh việc số hóa và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, rút ngắn thời gian xử lý trên môi trường số, nâng cao chất lượng và số lượng dịch vụ công toàn trình, thủ tục hành chính không giấy tờ. Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

- Đẩy mạnh thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Triển khai các Hệ thống chuyên ngành gắn với Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung đưa vào vận hành Hệ thống thông tin Quản lý Đất đai và Cấp phép xây dựng là 2 lĩnh vực có số lượng hồ sơ lớn, phức tạp, ảnh hưởng nhu cầu Người dân nhiều nhất.

- Tiếp tục cấp, phát chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, dịch vụ công trực tuyến và các loại hình giao dịch điện tử khác do tỉnh triển khai đảm bảo đúng quy định.

- Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).

b) Giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến

- Tổ chức thực hiện khai thác hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Ninh Thuận.

- Tích hợp các hệ thống thông tin ngành, lĩnh vực đảm bảo liên thông, cung cấp, khai thác dữ liệu phục vụ điều hành kinh tế - xã hội tỉnh theo thời gian thực. Tập trung tích hợp Hệ thống tổng hợp, báo cáo kinh tế - xã hội; Hệ thống tiếp nhận thông tin phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp (Cổng thông tin 1022); Hệ thống theo dõi mức độ Chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương; Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ của Lãnh đạo UBND tỉnh; Hệ thống giải quyết Thủ tục hành chính; Hệ thống quản lý đầu tư công;

c) Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp:

- Ra mắt ứng dụng Công dân tỉnh trên di động nhằm giúp người dân giao dịch với chính quyền tỉnh hiệu quả, thuận tiện, đơn giản.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh thành kênh cung cấp thông tin thống nhất, tập trung của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

### 9. Kinh tế số

a) Đo lường kinh tế số

* Tổ chức đo lường kinh tế số tỉnh phục vụ xây dựng các giải pháp thúc đẩy phù hợp phát triển kinh tế số kịp thời, hiệu quả.
* Phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Hệ thống đo lường kinh tế số phục vụ thực hiện đo lường kinh tế số ICT theo quý.

b) Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số:

* Giới thiệu, quảng bá các sản phẩm công nghệ số, kết nối các doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.
* Tập hợp danh bạ ngành CNTT - Viễn thông - Điện tử của tỉnh, lựa chọn nhóm sản phẩm Công nghệ thông tin – Điện tử- Viễn thông (CNTT-ĐT-VT) thuộc nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực để tỉnh xem xét, hỗ trợ phát triển, ứng dụng trong xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số.
* Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường.

c) Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực:

Tổ chức đánh giá hiện trạng và nhu cầu phát triển kinh tế số. Tập trung phát triển kinh tế số 7 ngành, lĩnh vực gồm: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động, việc làm và an sinh xã hội; Du lịch; Nông nghiệp và nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Công thương.

d) Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs):

- Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp SMEs, hộ kinh doanh cá thể và người dân về chuyển đổi số; Tư vấn về chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số cho các doanh nghiệp SMEs.

- Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp SMEs biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Hỗ trợ sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Tiếp tục phối hợp với Cục thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương, các Sàn thương mại điện tử trong nước, Ngân hàng… kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ nông dân trên địa bàn toàn tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử.

- Triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử; đảm bảo mục tiêu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh đạt 100%.

- Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các giải pháp thanh toán đảm bảo trong giao dịch thương mại điện tử; tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

### 10. Xã hội số

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các mô hình điểm Đề án 06. Phát huy hiệu quả hoạt động Tổ chuyển đổi số cộng đồng triển khai phổ cập chuyển đổi số đến từng ngõ, từng nhà người dân, tập trung hoàn thành các chỉ tiêu:

* Mỗi người dân có một danh tính số. Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2. Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.
* Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số. Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân. Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt. Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai phong trào phường xã, khu phố ấp số không dùng tiền mặt và các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số khác.
* Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến. Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.
* Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân. Đẩy mạnh, hướng dẫn người dân sử dụng tính năng ký số trên Cổng Dịch vụ công tỉnh. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động. Tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.
* Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản nhằm tự bảo vệ không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

b) Phát triển trường học số

Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

c) Phát triển bệnh viện số:

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

d) Phát triển mô hình khu phố, ấp số:

Phát triển, xây dựng mô hình khu phố, ấp số nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số từng phường, xã đến khu phố, ấp. Người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đ) Phát triển hạ tầng số:

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, CQNN, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

- Tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

## IV. GIẢI PHÁP

### 1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa CQNN và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

### 2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- Thu hút, tập hợp rộng rãi nguồn lực chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giải quyết các yêu cầu đặt hàng của tỉnh. Triển khai phối hợp kết nối nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức chuyển đổi số trong thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh.

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số…

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các CQNN theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Phối hợp, kết nối với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin (VNPT, Viettel, mobifone) trên địa bàn tỉnh tăng cường, hỗ trợ nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng thuê nhân sự CNTT trong giai đoạn chưa bố trí đủ nhân lực theo nhu cầu để đáp ứng yêu cầu công việc. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ để phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và phát triển CNTT.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các CQNN theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

### 3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số triển khai thử nghiệm trên địa bàn tỉnh về các mô hình công nghệ số tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới.

- Đẩy mạnh công tác số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, khai thác, chỉ đạo, điều hành của địa phương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, cung cấp các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### 4. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

### 5. Thu hút nguồn lực CNTT

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, CSDL, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

### 6. Đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05 ngày 9 tháng 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí: Ngoài ngân sách Trung ương hỗ trợ cho việc phát triển Chuyển đổi số của tỉnh hàng năm, địa phương cân đối bổ sung nguồn kinh phí. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trong giải quyết thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của các cấp; thực hiện thủ tục hành chính trên HTTT Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Tiếp nhận, xử lý, công khai phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và thực hiện thủ tục hành chính; đơn giản hóa chế độ báo cáo trên môi trường số.

### 2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu Kế hoạch này đảm bảo đạt hiệu quả và tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử. Thẩm định các chương trình, dự án theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá, xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh hàng năm đảm bảo các mục tiêu kế hoạch.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn, hỗ trợ các giải pháp, triển khai thực hiện công nghệ mới, mô hình mới theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số theo kế hoạch này.

- Tổng hợp tình hình triển khai của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các, huyện, thành phố, doanh nghiệp nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch và phối hợp với các đơn vị tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### 3. Công an tỉnh

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Thường xuyên thực hiện làm sạch dữ liệu dân cư và hỗ trợ làm sạch dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án được triển khai nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, lồng ghép nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

### 5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

### 6. Sở Khoa học và Công nghệ

Tăng cường công tác bảo vệ sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực chuyển đổi số.

### 7. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

### 8. Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

### 9. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, địa phương mình để xây dựng kế hoạch chuyển đổi số thực hiện trong năm 2024.

Chịu trách nhiệm trong việc rà soát, tham mưu đề xuất việc ban hành các  
văn bản thuộc thẩm quyền quy định về Chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương theo hướng tập trung, thống nhất, động bộ, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Định kỳ hàng quý báo cáo Ban điều hành chuyển đổi số của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày 20 tháng cuối cùng của quý.

### 10. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung về chuyển đổi số nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh.

### 11. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Thiết lập không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế.

- Triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp, công nghệ, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

## VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2024. (Chi tiết tại Phụ lục 4)

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);  - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);  - Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành;  - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;  - Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - VNPT, Viettel, Mobifone, FPT Ninh Thuận;  - Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Quốc Nam** |

**PHỤ LỤC 1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-BĐHCĐS ngày … tháng ….. năm 2024*

*của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh)*

| **STT** | **Mục tiêu** | **Đơn vị chủ trì thực hiện** | **Mục tiêu năm 2023** | **KQTH năm 2023** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phát triển hạ tầng số** |  |  |  |  |
| 1 | Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ sóng | Sở Thông tin và Truyền thông |  |  |  |
| *- Hộ gia đình* | *trên 90%* | *90%* | Đạt  *(toàn quốc 79,4%)* |
| *- Thôn/khu phố* | *100%* | *100%* | Đạt  *(toàn quốc 100%)* |
| Triển khai phủ sóng mạng 5G | Thành phố PR-TC | Đã triển khai lắp đặt, thử nghiệm 75 vị trí trạm 5G | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh | Sở Thông tin và Truyền thông | 85% | 72,65% | Chưa đạt |
| Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có điện thoại thông minh | 100% | 98,28% | Chưa đạt  *(toàn quốc 81%)* |
| 3 | Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng | Sở Thông tin và Truyền thông | 75% | 77,13% | Vượt 2,13% *(toàn quốc 79%)* |
| 4 | CQNN được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan Đảng và Nhà nước | Các cơ quan, ban, ngành | 100% | 100% | Đạt |
| **II** | **Phát triển Chính quyền số** |  |  |  |  |
| 1 | DVCTT toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động | Các cơ quan, ban, ngành | 100% | 100% | Đạt  *(toàn quốc 100%)* |
| 2 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ | Các cơ quan, ban, ngành | 75% | 55,41% | Chưa đạt *(toàn quốc 58,41%)* |
| Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý trực tuyến | Các cơ quan, ban, ngành | 70% | 81,48% | Vượt 11,48%  *(toàn quốc 58,41%)* |
| 3 | Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng | Các cơ quan, ban, ngành |  |  |  |
| *- Cấp tỉnh* |  | *100%* | *98,90%* | Chưa đạt  *(Toàn quốc >90%)* |
| *- Cấp huyện* |  | *95%* | *96,52%* | Vượt 1,52%  *(toàn quốc 86,37%)* |
| *- Cấp xã* |  | *75%* | *94,89%* | Vượt 19,89%  *(toàn quốc 67,28%)* |
| 4 | Tỷ lệ báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành được thực hiện qua hệ thống báo cáo điện tử của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ | Các cơ quan, ban, ngành | 95% | 100% | Đạt |
| 5 | Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số | Các cơ quan, ban, ngành | Kết nối CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm | Đã triển khai kết nối CSDL về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm | Chưa đạt |
| Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục | Các cơ quan, ban, ngành | 50% | 50% | Đạt  *(toàn quốc 60,46%)* |
| 6 | Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phấn đấu hoàn thành ít nhất một sản phẩm chuyển đổi số | Các cơ quan, ban, ngành | 100% |  | Hiện nay, có 49 cơ quan, đơn vị đã đăng ký/63 mô hình, giải pháp và sản phẩm CĐS |
| 7 | Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số | Các cơ quan, ban, ngành | 90% |  | Chưa có số liệu đánh giá |
| **III** | **Phát triển kinh tế số và xã hội số** |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh | Sở KHĐT | 12% | 9,56% | Chưa đạt *(toàn quốc 16,5%)* |
| 2 | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu | Các cơ quan, ban, ngành | 7% | - | Chưa có số liệu đánh giá |
| 3 | Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ | Sở Công thương | 7% | 21,3% | Vượt 14,3%  *(toàn quốc 8%)* |
| Sản phẩm OCOP của tỉnh được đăng tải trên các sàn thương mại điện tử nội địa | Sở Công thương | 90% | 100% | Vượt 10% |
| 4 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số | Sở KHĐT | 30% | 100% | Vượt 70%  *(toàn quốc 62%)* |
| 5 | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử | Cục Thuế tỉnh | 100% | 100% | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên số có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác | Ngân hàng Nhà nước | 70% | 70% | Đạt  *(toàn quốc 77%)* |
| 7 | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử | Sở Y tế | 90% | 93,9% | Vượt 3,9%  *(toàn quốc 56%)* |
| 8 | Triển khai xây dựng nền tảng đô thị thông minh | UBND TP. PR-TC | Tại TP.PR-TC | Đã triển khai và đưa Trung tâm IOC thành phố đi vào hoạt động |  |

**PHỤ LỤC 2**

**BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-BĐHCĐS ngày …… tháng …… năm 2024*

*của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số, ký hiệu văn bản** | **Ngày, tháng, năm ban hành** | **Cơ quan ban hành** | **Trích yếu văn bản** |
| 1 | 02/2023/QĐ-UBND | 09/01/2023 | UBND tỉnh | Quy định mức thu ưu đãi phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 2 | 03-TB/BCĐCĐS | 02/02/2023 | Ban CĐCĐS | Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 |
| 3 | 360/KH-UBND | 06/02/2023 | UBND tỉnh | Thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch Ninh Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn năm 2023 |
| 4 | 56/QĐ-UBND | 14/02/2023 | UBND tỉnh | Ban hành kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 5 | 552/UBND-TTPVHCC | 20/02/2023 | UBND tỉnh | Tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh |
| 6 | 636/KH-TCTĐA06 | 25/02/2023 | Tổ Công tác Đề án 06 | Triển khai thực hiện Đề án 06/CP năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 7 | 245/QĐ-UBND | 01/03/2023 | UBND tỉnh | Giao chỉ tiêu thực hiện DVCTT cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã năm 2023 |
| 8 | 04/CT-UBND | 4/03/2023 | UBND tỉnh | Về việc triển khai thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 9 | 51/BC-BĐHCĐS | 6/03/2023 | Ban ĐHCĐS | Kết quả chuyển đổi số năm 2022 theo Kế hoạch số 3609/KH-BĐHCĐS ngày 18/8/2022 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh |
| 10 | 01-BC/BCĐCĐS | 9/03/2023 | Ban CĐCĐS | Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2022 |
| 11 | 02-KH/BCĐCĐS | 9/03/2023 | Ban CĐCĐS | Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 12 | 956/KH-BĐHCĐS | 16/03/2023 | Ban ĐHCĐS | Kế hoạch Triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 13 | 1061/KH-UBND | 22/03/2023 | UBND tỉnh | Kế hoạch Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 trên địa bàn tỉnh |
| 14 | 1076/KH-UBND | 23/03/2023 | UBND tỉnh | Kế hoạch Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 15 | 1146/KH-UBND | 28/03/2023 | UBND tỉnh | Phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030 |
| 16 | 166/QĐ-UBND | 12/4/2023 | UBND tỉnh | Ban hành mã định danh các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 17 | 1562/KH-UBND | 21/4/2023 | UBND tỉnh | Phát triển thương mại điện tử tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 18 | 08/CT-UBND | 21/4/2023 | UBND tỉnh | Về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận |
| 19 | 1718/KH-UBND | 30/4/2023 | UBND tỉnh | Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức kỹ năng số các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể và địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 20 | 1849/KH-UBND | 12/5/2023 | UBND tỉnh | Hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 21 | 2059/KH-UBND | 24/5/2023 | UBND tỉnh | Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng năm 2023 |
| 22 | 152/BC-UBND | 26/6/2023 | UBND tỉnh | Kết quả triển khai chuyển đổi số 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 23 | 2586/KH-UBND | 27/6/2023 | UBND tỉnh | Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023 |
| 24 | 1521-QĐ/TU | 28/6/2023 | Tỉnh ủy | Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng |
| 25 | 2807/KH-UBND | 11/7/2023 | UBND tỉnh | Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 26 | 226/TB-VPUB | 11/7/2023 | VPUBND tỉnh | Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Long Biên tại cuộc họp Ban Điều hành chuyển đổi số quý II/năm 2023 |
| 27 | 178/BC-BĐHCĐS | 20/7/2023 | Ban ĐHCĐS | Tình hình, kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023 theo Kế hoạch số 956/KH-BĐHCĐS ngày 16/3/2023 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh |
| 28 | 02-BC/BCĐCĐS | 28/7/2023 | Ban CĐCĐS | Tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 |
| 29 | 04-TB/BCĐCĐS | 28/7/2023 | Ban CĐCĐS | Kết luận của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 |
| 30 | 1031/QĐ-UBND | 3/8/2023 | UBND tỉnh | Ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ |
| 31 | 195/BC-UBND | 4/8/2023 | UBND tỉnh | Phân tích, đánh giá Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2022 |
| 32 | 3402/KH-UBND | 16/8/2023 | UBND tỉnh | Nâng cao chỉ số chuyển đổi số năm 2023 và những năm tiếp theo |
| 33 | 778/QCPH-VP-STTTT | 21/8/2023 | Bộ TTTT và Sở TTTT | Phối hợp giữa Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông và Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh |
| 34 | 4076/KH-UBND | 29/9/2023 | UBND tỉnh | Triển khai thực hiện các Mô hình của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” tại tỉnh |
| 35 | 4546/KH-UBND | 31/10/2023 | UBND tỉnh | Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 36 | 83/2023/QĐ-UBND | 10/11/2023 | UBND tỉnh | Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. |
| 37 | 4546/KH-UBND | 17/11/2023 | UBND tỉnh | Triển khai Luật Giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 38 | 311/BC-UBND | 20/11/2023 | UBND tỉnh | Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ |
| 39 | 312/BC-UBND | 20/11/2023 | UBND tỉnh | Kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2023 theo Kế hoạch số 956/KH-BĐHCĐS ngày 16/3/2023 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh |
| 40 | 342/BC-UBND | 11/12/2023 | UBND tỉnh | Kết quả chuyển đổi số phục vụ Phiên họp tổng kết năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số |
| 41 | 31/2023/NQ-HĐND | 14/12/2023 | HĐND tỉnh | Quy định về giảm phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 42 | 39/2023/NQ-HĐND | 14/12/2023 | HĐND tỉnh | Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2024-2028 |
| 43 | 347/BC-TCTĐA06 | 15/12/2023 | Tổ Công tác Đề án 06 | Sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |
| 44 | 658-TB/TU | 26/12/2023 | Tỉnh ủy | Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban thường vụ tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng |
| 45 | 748/QĐ-UBND | 28/12/2023 | UBND tỉnh | Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận |

**PHỤ LỤC 3**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ/DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-BĐHCĐS ngày … tháng ….. năm 2024 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh)*

Đơn vị tính: đồng

| **STT** | **Tên nhiệm vụ, dự án** | **Mục tiêu chính** | **Tổng mức  đầu tư** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn vốn đầu tư** | **Hiện trạng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng Cổng dữ liệu mở tỉnh Ninh Thuận | Xây dựng Cổng dữ liệu mở tỉnh Ninh Thuận | 1.950.413.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 2 | Nâng cấp hệ thống kết nối cơ sở dữ liệu dân cư theo Đề án 06. | Nâng cấp hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin, thực hiện kết nối, chia sẻ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quốc gia theo Đề án 06 | 3.800.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 3 | Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (Trục LGSP) | Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu tính năng kỹ thuật và chức năng theo Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 | 1.723.460.087 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 4 | Thuê dịch vụ giám sát an ninh mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh | Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh | 950.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã triển khai thực hiện |
| 5 | Đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ của tỉnh | Đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ công của tỉnh | 150.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 6 | Đào tạo, diễn tập CNTT cho CBCC chuyên trách CNTT các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Đào tạo, diễn tập công nghệ thông tin cho cán bộ làm công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước tỉnh | 97.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 7 | Đào tạo nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước | Đào tạo nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước | 150.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 8 | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến | 692.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 9 | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến tại UBND thành phố PRTC | Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến tại UBND thành phố PRTC | 98.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã triển khai thực hiện |
| 10 | Tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận năm 2023 | Tổ chức Hội thi tin học trẻ  tỉnh Ninh Thuận năm 2023 | 55.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 11 | Chi phí tiền điện, tiền dầu, bảo dưỡng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm giám sát an toàn, an ninh, thông tin mạng và điều hành đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận | Vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu  tỉnh Ninh Thuận | 364.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 12 | Kinh phí hoạt động Ban chuyển đổi số | Kinh phí hoạt động Ban chuyển đổi số | 50.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 13 | Phần mềm quản lý công chứng - chứng thực - ngăn chặn | Quản lý công chứng - chứng thực - ngăn chặn | 2.351.576.874 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 14 | Dịch vụ IPv6 tĩnh phục vụ Cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng dịch vụ công của tỉnh | Thuê Dịch vụ IPv6 tĩnh | 6.600.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
| 15 | Nâng cấp, bổ sung và mở rộng chức năng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh | Nâng cấp, bổ sung và mở rộng chức năng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh | 1.300.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã và đang triển khai |
| 16 | Duy trì nhắn tin OTP | Duy trì nhắn tin OTP | 99.000.000 | 2023 | Ngân sách tỉnh | Đã hoàn thành |
|  | **Tổng cộng:** | | **13.837.049.961** |  |  |  |

**PHỤ LỤC 4**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

**TỈNH NINH THUẬN NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-BĐHCĐS ngày … tháng ….. năm 2024*

*của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

| **TT** | **Tên nhiệm vụ, dự án** | **Đơn vị chủ trì** | **Thời gian thực hiện** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số** |  |  | |
| **I** | **Nhóm dự án chuyển đổi nhận thức** |  |  | |
| 1 | Xây dựng và triển khai Kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số tỉnh năm 2024 | Sở TTTT | Quý I/2024 | |
| 2 | Triển khai xây dựng Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; | Sở TTTT | Quý IV/2024 | |
| 3 | Xây dựng Kế hoạch và phổ biến Tháng 10 Tháng Tiêu dùng số | Sở CT | Hàng năm | |
| 4 | Chương trình đào tạo 50 cán bộ chuyên gia số trong các cơ quan nhà nước (bao gồm cả nghiệp vụ an toàn thông tin) | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| **II** | **Hoàn thiện thể chế chính sách** |  |  | |
| 1 | Cập nhật và triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh | Sở TTTT | Quý II/2024 | |
| 2 | Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số | Sở TTTT | Hàng năm | |
| 3 | Quy chế vận hành Kho dữ liệu dùng chung, HTTT Giải quyết TTHC, Mạng truyền số liệu chuyên dùng. | Sở TTTT | Quý II/2024 | |
| 4 | Ban hành Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 5 | Ban hành Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số | Sở TC và Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 6 | Triển khai hiệu quả chính sách thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa | Sở KHĐT | Năm 2024 | |
| **IV** | **Phát triển hạ tầng số** |  |  | |
| 1 | Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động | Sở TTTT | Quý II/2024 | |
| 2 | Duy trì, mở rộng hệ thống lưu trữ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Khai thác, sử dụng hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 3 | Rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT tại đơn vị đảm bảo yêu cầu hoạt động theo mô hình chung | Các Sở, ban, ngành;  Ủy ban nhân dân các huyện, TP. | Quý III/2024 | |
| 4 | Phát triển dịch vụ mạng di động 5G | Sở TTTT và các DN viễn thông | Năm 2024 | |
| 5 | Triển khai Chương trình hỗ trợ các dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. | Sở TTTT, Sở LĐTBXH và các DN viễn thông |  | |
| **III** | **Dữ liệu số** |  |  | |
| 1 | Phát triển Cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực theo kế hoạch | Sở, ban, ngành, ĐP | Năm 2024 | |
| 2 | Số hóa và xây dựng CSDL tài liệu lưu trữ điện tử | Sở, ban, ngành, ĐP | Năm 2024 | |
| 3 | Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 4 | Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức (cá thể hóa trên DVCTT) | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 5 | Tăng cường số hóa hồ sơ, tài liệu, chuẩn hóa dữ liệu chia sẻ doanh nghiệp, tổ chức | Các Sở, ban, ngành, ĐP | Năm 2024 | |
| **VI** | **Xây dựng nền tảng số** |  |  | |
| 1 | Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức | Sở TTTT và các Sở, ban ngành, UBND các huyện, TP | Quý IV/2024 | |
| 2 | Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh | Sở TTTT | Quý IV/2024 | |
| 3 | Triển khai Nền tảng số hoá, lưu trữ và khai thác dữ liệu | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 4 | Kết nối, tích hợp và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích, xã hội và các dịch vụ công cộng | Sở TTTT |  | |
| 5 | Xây dựng Phần mềm đánh giá chỉ số DTI các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 6 | Mở rộng SSO trên địa bàn toàn tỉnh áp dụng cho các ứng dụng triển khai dung chung trên địa bàn tỉnh (mô hình 1); Phân tích tình hình dân cư ( mô hình 4); Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn ( mô hình số 6) theo Đề án 06 | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 7 | Xây dựng kho dữ liệu điện tử cá nhân | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 8 | Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Du lịch thông minh. Xây dựng nền tảng số và chuyển đổi số toàn diện ngành Văn hóa, thể thao. Tích hợp vào hệ thống dịch vụ thông minh ngành Văn hóa, thể thao. Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) tại các di tích, điểm đến thuộc tỉnh. | Sở VHTT-DL | Năm 2024 | |
| **V** | **Đảm bảo an toàn thông tin** |  |  | |
| 1 | Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ. | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 2 | 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt | Sở TTTT, các Sở, ban, ngành | Năm 2024 | |
| 3 | 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng | Sở TTTT, các Sở, ban, ngành | Năm 2024 | |
| **VI** | **Phát triển nguồn nhân lực** |  |  | |
| 1 | Tổ chức đào tạo chuyên sâu về các công nghệ mới cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 2 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 3 | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 4 | Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân | Các huyện, thành phố | Năm 2024 | |
| 5 | Xây dựng kho học liệu số dùng chung phục vụ chuyển đổi số Ngành giáo dục và đào tạo. | Sở GDĐT | Năm 2024 | |
| **B** | **Phát triển Chính quyền số** |  |  | |
| 1 | Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 2 | Nâng cấp hệ thống thông tin dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công mọi lúc mọi nơi | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| 3 | Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông tinh toàn quốc | Sở YT | Năm 2024 | |
| 4 | Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông tinh toàn quốc.. | Sở GDĐT | Năm 2024 | |
| 5 | Chuyên đổi số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các ứng dụng, tiên bộ khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý nguồn nước, phát triên các giải pháp tưới tiêt kiệm, thích ứng biên đổi khí hậu hướng đên ngành Nông nghiệp thông minh | Sở NNPTNT | Năm 2024 | |
| 6 | Ứng dụng thông minh trong việc giám sát quá trình vận hành của các hồ, đập; theo dõi lượng mưa tại các hồ, đập; giám sát tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, ô nhiễm không khí, môi trường nước; giám sát dịch vụ cung cấp nước sạch; giám sát ô nhiễm đất đai, tiêng ồn;... Ứng dụng thông minh trong việc đánh giá tình hình phát triên thành phố xanh, đẩy mạnh giảm tiêu hao năng lượng | Sở CT/ Sở TNMT | Năm 2024 | |
| 7 | Tiếp tục tái cấu trúc quy trình nghiêp vụ, số hóa, vận hành cải tiến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Các Sở, ban, ngành;  UBND các huyện, thành phố. | Năm 2024 | |
| 8 | Triển khai Hệ thống thông tin Quản lý đất đai tỉnh Ninh Thuận | Sở Tài nguyên và Môi trường | Năm 2024 | |
| 9 | Triển khai Hệ thống thông tin Quản lý Cấp phép xây dựng | Sở Xây dựng | Năm 2024 | |
| 10 | Xây dựng Chương trình Quản lý đầu tư công | Sở KHĐT | Năm 2024 | |
| 11 | Triển khai Kho dữ liệu mở | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| **C** | **Phát triển kinh tế số** |  |  | |
| 1 | Tổ chức đo lường kinh tế số tỉnh | Cục thống kê tỉnh | Quý IV/2024 | |
| 2 | Phấn đấu phát triển từ 01 - 02 doanh nghiệp số | Sở KHĐT | Năm 2024 | |
| 3 | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số theo Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 | Các sở, ban, ngành | Hàng năm | |
| 4 | Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số | Sở KHCN | Hàng năm | |
| 5 | Phát triển hạ tầng số phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | NHNN | Hàng năm | |
| 6 | Xây dựng “Cổng Thông tin, App thông minh Hỗ trợ Doanh nghiệp” | Sở KHĐT | Năm 2024 | |
| 7 | Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt các dịch vụ của các ngành: điện, nước, viễn thông và truyền thông, giáo dục, y tế... | NHNN, Các sở, ban, ngành và các DN | Năm 2024 | |
| 8 | Thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn; hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử. | Sở CT | Năm 2024 | |
| 9 | Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động của đơn vị về phát triển Kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch số [4546/KH-UBND](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/6B9B2CAA9411E2EB47258A59002CD2A1?OpenDocument) ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. | Các Sở, ban, ngành;  Ủy ban nhân dân các huyện, TP | Năm 2024 | |
| **D** | **Phát triển xã hội số** |  |  | |
| 1 | Phục vụ công tác khám chữa bệnh, quản lý bệnh viện | Sở YT | Năm 2024 | |
| 2 | Thuê phần mềm CNTT phục vụ hoạt động khám chữa bệnh từ xa tại 65 trạm y tế tuyến xã giai đoạn 2023-2025 | Sở YT | Năm 2024 | |
| 3 | Triển khai các mô hình điểm theo Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư | Các Sở, ban, ngành;  Ủy ban nhân dân các huyện, TP | Năm 2024 | |
| 4 | Triển khai Hệ thống thông tin nguồn 3 cấp theo Quyết định 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ | Sở TTTT | Năm 2024 | |
| **E** | **Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên** | | |  | |
| 1 | Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2025 | Sở NV | Năm 2024 | |
| 2 | Đề án lưu trữ tài liệu điện tử tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021- 2025 | Sở NV & STTTT | Năm 2024 | |
| **F** | **Các nhiệm vụ khác** |  |  | |
| 1 | Thuê dịch vụ HNTT trực tuyến, Thuê dịch vụ ATTT mạng | Sở TTTT | Hàng năm | |
| 2 | Tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận năm 2024 | Sở TTTT | Hàng năm | |
| 3 | Kinh phí thuê địa chỉ IP tĩnh, IPv6 và ASN | Sở TTTT | Hàng năm | |
| 4 | Hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh | Sở TTTT | Hàng năm | |

1. Phụ lục 2: Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể năm 2023 [↑](#footnote-ref-1)
2. Đã phát sóng gần 500 tin, phóng sự về công tác quản lý dân cư, cấp số định danh cá nhân, thu thập thông tin dân cư, tổng điều tra dân số, cấp thẻ căn cư công công dân có gắn chíp điện tử và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn tỉnh thông qua các bản tin thời sự Phát thanh, Truyền hình, các chuyên mục, chuyên đề, tạp chí; câu chuyện truyền thanh với Tiểu phẩm (Giấy tờ gặp khó - đã có chuyển đổi số; mở chuyên mục chuyển đổi số với thời lượng phát sóng 5 phút, phát sóng trong bản tin Thời sự 19h45 thứ năm hàng tuần để đưa tin, phóng sự, phỏng vấn hoặc gương tốt thực hiện Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh. Xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh để hỗ trợ người dùng trong việc cập nhật, truy xuất kịp thời các thông tin, văn bản về chuyển đổi số của Trung ương và của tỉnh. UBND tỉnh phối hợp Công ty SVTECH tổ chức Hội nghị về xu hướng CĐS và các giải pháp công nghệ ứng dụng CĐS trên các lĩnh vực, với hơn 70 đại biểu tham dự; Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy CĐS trong sản xuất nông nghiệp”, với hơn 30 đại biểu tham dự. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Trung tâm Thông tin du lịch-Tổng cục Du lịch tổ chức Hội nghị Tập huấn sử dụng Thẻ Việt - Thẻ du lịch quốc gia và triển khai nền tảng số du lịch, với hơn 200 đại biểu tham dự. [↑](#footnote-ref-2)
3. Phối hợp với Sở TT&TT tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai Chương trình Chuyển đổi số trong tổ chức các hoạt động Đoàn, Hội và nâng cao kỹ năng sử dụng Internet, mạng xã hội cho hơn 150 cán bộ Đoàn chủ chốt và đoàn viên thanh niên thuộc các huyện, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc tham gia tại các điểm cầu trực tuyến; Tổ chức lớp tập huấn chuyển đổi số cho thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp tại huyện Ninh Phước cho 50 đoàn viên; Triển khai 03 Đội hình trí thức trẻ tình nguyện hướng dẫn kỹ năng chuyển đổi số và khai thác Internet an toàn, hiệu quả trong chiến dịch TNTN hè năm 2023;… [↑](#footnote-ref-3)
4. Phụ lục 2: Các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch ban hành về chuyển đổi số [↑](#footnote-ref-4)
5. Hiện nay, 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính; 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN); 19 Sở ban ngành, 7 huyện, thành phố và 65 xã, phường, thị trấn đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạngtruyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước phục vụ truy cập internet và các phần mềm dùng chung, dịch vụ giám sát an toàn thông tin, và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành,… 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đến nay, các doanh nghiệp viễn thông đã phối hợp với các thuê bao rà soát, cập nhật lại thông tin 33.814 thuê bao (Viettel Ninh Thuận 27.243 thuê bao, VNPT Ninh Thuận 5.737 thuê bao, Mobifone Ninh Thuận 834 thuê bao); thuê bao đã bị khóa 02 chiều do chủ thuê bao không thực hiện việc cập nhật lại thông tin thuê bao theo quy định 6.340 thuê bao (Viettel Ninh Thuận 1.629 thuê bao, VNPT Ninh Thuận 4.363 thuê bao, Mobifone Ninh Thuận 348 thuê bao). [↑](#footnote-ref-6)
7. *Hạ tầng CNTT ngành y tế:* 100% cơ sở Y tế tuyến xã, huyện, tỉnh điều có trang bị máy tính và kết nối Internet băng rộng; 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế; 100% các bệnh viện, cơ sở y tế từ tỉnh đến xã thực hiện việc báo cáo và trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin ngành y tế... Nhìn chung hạ tầng về thiết bị của ngành Y tế đã được quan tâm đầu tư *(thiết bị CNTT, hệ thống mạng, hệ thống rút phiếu tự động,.)* tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng phục vụ chuyên ngành *(VNPT HIS,...).*

   *Hạ tầng CNTT ngành giáo dục*: 100% các trường THPT, THCS và tiểu học đều được đầu tư máy tính dùng trong công tác quản lý và dạy học; 100% các Trường THPT, THCS và các trường tiểu học có mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao; 100% các trường THPT, THCS và tiểu học đều có Trang thông tin điện tử tích hợp trên Hệ thống thông tin Ngành giáo dục; 100% trường Tiểu học, THCS, THPT sử dụng sổ điện tử trong nhà trường; 100% cán bộ, giáo viên tại các trường từ tiểu học trở lên sử dụng CNTT để thực hiện xây dựng giáo án điện tử, bài giảng điện tử; 100% các trường THPT, THCS đều giảng dạy tin học. Bên cạnh đó các trường mầm non cũng đã được quan tâm đầu tư máy tính và kết nối internet. [↑](#footnote-ref-7)
8. Sử dụng thẻ CCCD tích hợp thông tin thẻ BHXH phục vụ người dân đi khám bệnh tại các Cơ sở y tế (hiện có 79/79 cơ sở y tế đã thực hiện). Tính ngày 15/11/2023, đã có 732.641 trường hợp sử dụng thẻ CCCD gắn chíp khám chữa bệnh BHYT; tra cứu thành công 636.543/732.641 trường hợp đạt 86,8% theo hướng dẫn tại công văn số 931/BYT ngày 28/02/2022 của Bộ Y tế và công văn số 533/BHYT -CSYTngày 01/3/2022 của BHXH VN, Tính từ ngày 01/01/2023 đến 15/11/2023, tổng số lượt thanh toán viện phí qua hình thức không dùng tiền mặt trên toàn tỉnh là 52.681 lượt/38.077.724.948 đồng. ngành Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh triển khai thực hiện CSDL về quản lý giáo dục; ngành Y tế thực hiện kết nối CSDL về Giấy khám sức khoẻ lái xe, Giấy chứng tử, Giấy chứng sinh tại cơ sở khám chữa bệnh phục vụ Đề án 06. Giấy khám sức khoẻ lái xe liên thông dữ liệu, ký số: 7.071 hồ sơ; Giấy chứng sinh liên thông dữ liệu, ký số: 7.145 hô sơ; Giấy chứng tử liên thông dữ liệu, ký số: 33 hồ sơ. ngành tài nguyên đã tập trung triển khai xây dựng, đưa vào vận hành, cập nhật, chỉnh lý CSDL hồ sơ địa chính (18 xã, phường, thị trấn, với hơn 128.349 thửa đất) và CSDL tài nguyên môi trường biển; ngành nông nghiệp triển khai xây dựng CSDL của ngành như dữ liệu về bảo vệ thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật, quản lý công tác thú y, giám sát tàu cá với 100% tàu cá đăng ký tại tỉnh được cập nhật trên hệ thống, dữ liệu thủy lợi, dữ liệu về bản đồ hiện trạng rừng, diễn biến rừng và cảnh báo cháy rừng, áp dụng tưới tự động, tưới nhỏ giọt, máng ăn, máng uống tự động,... trong trồng trọt và chăn nuôi; ngành tài chính hoàn thành việc xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng CSDL về giá; ngành Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai CSDL về đối tượng bảo trợ xã hội và người có công, với 24.021 hồ sơ, các đối tượng đã được xác thực với hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư là 13.374 đối tượng; ngành Tư pháp hiện đang triển khai xây dựng dự án “Số hóa dữ liệu hộ tịch từ Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh” và đưa vào khai thác phần mềm quản lý cơ sở dự liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh; ngành Nội vụ đang triển xây dựng Đề án lưu trữ tài liệu điện tử và xây dựng CSDL về CBCCVC - hiện đã hoàn thành việc nhập, cập nhật dữ liệu CBCCVC thuộc tỉnh trên hệ thống phần mềm. Ngành y tế rà soát, xác minh, cập nhật, làm sạch dữ liệu tiêm chủng: triển khai ký xác nhận “Hộ chiếu vắc xin” cho người dân theo hướng dẫn tại Công văn số 1908/BYT-CNTT ngày 15/04/2022 của Bộ Y tế được 667.981/667.981 người đạt 100%; rà soát, cập nhật, làm sạch được 136.249/141.981 mũi tiêm cần chỉnh sửa, tỷ lệ đạt 96% trên nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19; các sở, ban, ngành địa phương đã số hóa 5.592 hồ sơ. [↑](#footnote-ref-8)
9. **Ngành Thông tin và Truyền thông** phối hợp kết nối, liên thông 3/6 CSDL quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg, trong đó có CSDL quốc gia về dân cư; kết nối thành công CSDL cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với CSDL quốc gia về dân cư và CSDL quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ; kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu Cổng DVC tỉnh với Cổng DVC quốc gia, hệ thống thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của 6 Bộ; trực tiếp quản trị, vận hành khai thác sử dụng 10 hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh và phối hợp triển khai hơn 18 hệ thống thông tin/CSDL chuyên ngành tại Trung tâm THDL tỉnh. Triển khai Hệ thống giám sát thông tin trên không gian mạng (với hơn 70.000 nội dung thông tin đăng liên quan tới Ninh Thuận/tháng),…**Ngành Y tế** triển sử dụng Hệ thống CSDL dược quốc gia; phần mềm khám chữa bệnh và thanh toán BHYT cho các cơ sở y tế (hệ thống được kết nối với CSDL quốc gia về dân cư; nền tảng quản lý tiêm chủng covid -19, hệ thống thông tin về lực lượng y, bác sĩ, trạm y tế, bệnh viện, nhà thuốc,… Các bệnh viện triển khai Phần mềm hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), phần mềm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS-PAS), hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS), Phần mềm bệnh án điện tử (EMR),… **Ngành Nông nghiệp** sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu về bảo vệ thực vật (PPDMS 2.0) và thuốc bảo vệ thực vật; phần mềm quản lý công tác thú y; Giám sát tàu cá và Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia (VNFishbase); Phần mềm cập nhật diễn biến rừng; Giám sát, đánh giá thống kê lâm nghiệp; Hệ thống cảnh báo cháy rừng; CSDL bản đổ kiểm kê rừng, bản đồ hiện trạng rừng; Phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu thủy lợi; Phần mềm Quản lý công tác chăn nuôi; Phần mềm quản lý khách hàng sử dụng nước sinh hoạt nông thôn,... **Ngành Giáo dục** đã triển khai xây dựng, kết nối, khai thác sử dụng CSDL quản lý giáo dục và đào tạo trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư với CSDL chuyên ngành, đến tháng 6/2023 dữ liệu định danh cá nhân của học sinh và công chức, viên chức của ngành đã xác thực thành công với CSDL Quốc gia về dân cư với tỷ lệ trên 99,5%; triển khai Kho học liệu, bài giảng điện tử đến các trường THPT và các trường THCS thuộc TP. Phan Rang-Tháp Chàm. **Ngành Tài nguyên và Môi trường** đã triển khai đưa vào khai thác sử dụng CSDL tài nguyên môi trường biển được xây dựng và phát triển trong thời gian qua với nguồn dữ liệu mở phục vụ quản lý, chia sẻ, khai thác sử dụng; Triển khai xây dựng, đưa vào vận hành CSDL địa chính của 18 xã phường, thị trấn với 128.349 thửa đất, nhưng chưa được công bố sử dụng chính thức, chưa triển khai kết nối với CSDL đất đai quốc gia và dân cư. **UBND thành phố và các huyện** chủ yếu tập trung triển khai thực hiện việc số hóa, cập nhật, khai thác, sử dụng hiệu quả các CSDL quốc gia, CSDL dùng chung của tỉnh, CSDL chuyên ngành do các sở, ban ngành của tỉnh triển khai theo chức năng, nhiệm vụ như CSDL quốc gia về dân cư, CSDL về giáo dục, CSDL về y tế,…**Văn phòng Tỉnh ủy** tập trung triển cập nhật thông tin, số liệu trên Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp uỷ; cập nhập dữ liệu vào phần mềm Hệ thống thông tin quản lý tài liệu số hóa lưu trữ; ứng dụng Phòng họp không giấy và ứng dụng Nextcloud để lưu trữ, trao đổi, chia sẻ tài liệu phục vụ các cuộc họp của Tỉnh ủy; Phần mềm quản lý xe phục vụ cho công tác quản lý, điều xe, truy vết các thông tin liên quan của mỗi phương tiện quản lý...**Cơ quan Tỉnh đoà**n đã tập trung triển khai sử dụng App Thanh niên Việt Nam để cập dữ liệu, quản lý Đoàn viên; Ứng dụng “Làm việc tốt” dành đội viên, thiếu nhi; Ứng dụng “Hướng nghiệp” dành cho học sinh khối THCS. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đến tháng 10/2023, hệ thống giám sát máy chủ (Viettel CyCir) có 47.889 cảnh báo mức độ trung bình, 2.465 cảnh báo mức độ cao và 617 cảnh báo mức độ nghiêm trọng; hệ thống giám sát máy trạm (Viettel Ajiant) có 75.929 cảnh báo mức độ thấp, 63.206 cảnh báo mức độ trung bình, 10.073 cảnh báo mức độ cao. Các cảnh báo đã được Trung tâm phối hợp với đơn vị giám sát an ninh mạng (Viettel) rà soát, xác minh các tiến trình cảnh báo và xử lý kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, xuyên suốt. [↑](#footnote-ref-10)
11. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023, tổng số văn bản đi/đến toàn tỉnh là 1.019.245 văn bản *(tăng 8,51% so với cùng kỳ năm 2022)*, trong đó có 235.855 văn bản đi *(tăng 7,58%)* và 783.390 văn bản đến *(tăng 8,8%)*; cấp tỉnh có 96.485 văn bản đi *(tăng 8,65%)* và 319.355 văn bản đến *(tăng 4,01%)*; cấp huyện có 71.081 văn bản đi *(tăng 8,62%)* và 139.456 văn bản đến *(tăng 13,67%)*; cấp xã có 68.298 văn bản đi *(tăng 22,14%)* và 324.579 văn bản đến *(tăng 29,19%)*… Việc sử dụng Phần mềm TD.Office trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, một số đơn vị có tỷ lệ ký số văn bản chưa cao, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư 96,35%; Sở Nông nghiệp và PTNT 96,77%; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch 96.40%, huyện Bác Ái 85,64%, xã Phước Hòa đạt 61,11%, Phước Thành đạt 67,62%, xã An Hải 70,62%, xã Phước Hải 74,53%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tỷ lệ CBCC,VC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong phối hợp xử lý công việc đạt tỷ lệ từ 90 - 95%. 100% giấy mời họp, tài liệu họp và lịch công tác của UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành đều được gửi qua hệ thống thư điện tử, góp phần tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp, nâng cao năng suất, hiệu quả trong công việc. [↑](#footnote-ref-12)
13. Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã được nâng cấp, tích hợp 26 Trang thông tin điện tử thành phần của 19 Sở, ban, ngành, 07 huyện, thành phố; tích hợp các Trang thông tin điện tử của HĐND tỉnh, Công an tỉnh và chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh; liên kết Cổng/Trang TTĐT của các cơ quan Đảng, Đoàn thể tạo môi trường giao tiếp, công khai minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Từ ngày 01/01/2023 đến 3/11/2023 Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh đăng 1.259 tin/ bài tăng 16,22% so với cùng kỳ, trong đó cổng thông tin điện tử tỉnh đăng 860 tin bài, các trang thành phần đăng 11.739 tin bài. Cổng thông tin điện tử đã đăng 860 tin bài; 67 văn bản dự thảo trên chuyên mục “Đóng góp ý kiến dự thảo văn bản”; 09 văn bản trên chuyên mục “Xin ý kiến Nhân dân”; Tiếp nhận và chuyển xử lý 35/35 câu hỏi của doanh nghiệp, người dân gửi đến Chuyên mục Hỏi- Đáp; Hệ thống du lịch thông minh (https://ninhthuantourism.vn) đã đăng tải được 199 tin bài, 254 doanh nghiệp đã đăng tải thông tin trên hệ thống, tổng số lượt truy cập là 4.147.697 lượt. [↑](#footnote-ref-13)
14. Cấp tỉnh 595 DVCTT (265 DVCTT toàn trình và 324 DVCTT một phần); cấp huyện 194 DVCTT (53 DVCTT toàn trình và 111 DVCTT một phần); cấp xã 70 DVCTT (16 DVCTT toàn trình và 54 DVCTT một phần). Đến nay, đã đồng bộ trạng thái và tích hợp 812/829 DVCTT lên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 97,95%. Tổng số thủ tục hành chính được triển khai thanh toán trực tuyến 484 thủ tục (cấp tỉnh: 383 thủ tục, cấp huyện: 71 thủ tục và cấp xã: 30 thủ tục); có 25 thủ tục có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến; Tổng số hồ sơ có thu phí, lệ phí 4.415 hồ sơ; có 619 hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến. [↑](#footnote-ref-14)
15. Cấp tỉnh tiếp nhận được 183.855 hồ sơ, trong đó có 4.116 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 2.24%, 179.513 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chiếm 97,64%, 226 hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích chiếm 0,12 %. Đã giải quyết được 183.599 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn là 183.534 hồ sơ chiếm 99,96%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 65 hồ sơ chiếm 0,04%; Trong đó, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất 31.794 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn là 30.398 hồ sơ chiếm 95,61%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 1.396 hồ sơ chiếm 4,39%. Cấp huyện tiếp nhận được 14.312 hồ sơ, trong đó có 3.022 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 20.11%, 11.289 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chiếm 78,88%; 01 hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích chiếm 0,01%. Đã giải quyết được 13.952 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn là 13.796 hồ sơ chiếm 98,88%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 156 hồ sơ chiếm 1,12%. Cấp xã tiếp nhận được 93.487 hồ sơ, trong đó có 12.750 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 13,64%, 80.737 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chiếm 86,36%.Đã giải quyết được 93.568 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn là 93.059 hồ sơ chiếm 99,46%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 509 hồ sơ chiếm 0,54%. [↑](#footnote-ref-15)
16. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ; Hệ thống hồ sơ công việc được triển khai, liên thông văn bản 4 cấp, việc trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng đạt 98,74% đối với cấp tỉnh, 97,18% đối với cấp huyện và 93,74% đối với cấp xã (vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết 09-NQ/TU). Cổng dịch vụ công tỉnh được triển khai với 829 dịch vụ công trực tuyến đạt 100% TTHC đủ điều kiện; tích hợp, đồng bộ trạng thái hồ sơ lên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 97,95%; kết nối với hệ thống CSDL quốc gia về dân dự, kết nối liên thông TTHC với 6 Bộ ngành Trung ương, hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin kinh tế xã hội tỉnh; Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh và kết nối liên thông Cổng DVC quốc gia; Nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Cổng/Trang TTĐT tỉnh,… Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và điều hành đô thị thông minh (IOC) hoạt động ổn định, hiệu quả. Phần mềm gửi nhận và xử lý văn bản E-Office được triển khai trong tất cả các cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể của tỉnh, kết nối liên thông với khối các cơ quan nhà nước; Cổng/Trang Thông tin điện tử thành phần của Đảng bộ tỉnh,... [↑](#footnote-ref-16)
17. Đến nay việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử tăng cao (Sở TTTT đạt 100%, Sở Y tế đạt 99,74%, Sở NNPTNT đạt 99,31%, Sở GDĐT đạt 99,63%, Sở TNMT đạt 99,26%); 100% DVC trực tuyến đã được triển khai thực hiện; việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến được thực hiện tốt (Sở TTTT thông đạt 97,06%, Sở Y tế đạt 91,27%, Sở NNPTNT đạt 99,66%, Sở GDĐT đạt 96,05%, Sở TNMT đạt 3,47%, trong đó khối cơ quan hành chính đạt 79,52%, Văn phòng đăng ký đất đai đạt 1,93%); triển khai hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tỉnh (Sở TTTT đã cập nhật 100% hệ thống biểu mẫu, báo cáo trên hệ thống; riêng các Sở: Y tế, NNPTNT, GDĐT, TNMT đã thực hiện việc cập nhật nhưng chưa đầy đủ). Hầu hết các Sở, ngành đều triển khai kết nối, khai thác sử dụng hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư; số hóa, xây dựng CSDL chuyên ngành (Sở TTTT đã triển khai tích hợp 6 CSDL chuyên ngành vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, hiện đang triển khai xây dựng Cổng dữ liệu mở cung cấp dữ liệu, 100% dữ liệu của ngành đã được số hóa, xây dựng CSDL; Sở Y tế, Sở NNPTNT đã triển khai thực hiện việc số hóa, xây dựng CSDL ngành nhưng chưa kết nối, tích hợp CSDL chung của ngành; Sở GDĐT đã triển khai thu thập và số hóa dữ liệu trên CSDL ngành và Hệ Chương trình Quản lý giáo dục với khoảng 140 nghìn học sinh các cấp học và trên 10,5 nghìn CBCCVC ngành giáo dục, số hóa hồ sơ sổ sách nhà trường, thiết lập trên 10 nghìn tài khoản Office 365 cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên toàn ngành đạt 100%; Sở TNMT đã triển khai thực hiện việc số hóa, xây dựng CSDL đất đai nhưng kết nối, tích hợp CSDL dùng chung của tỉnh và CSDL quốc gia về đất đai); thực hiện tốt việc đăng tải tin bài trên Cổng/Trang TTĐT (Sở TTTT đăng tải hơn 500 tin bài trên Cổng TTĐT tỉnh và 170 tin bài trên Trang TTĐT của Sở, Sở Y tế 690 tin bài, Sở NNPTNT đăng tải hơn 186 tin bài, Sở GDĐT đăng tải hơn 127 tin bài, Sở TNMT đã đăng tải hơn 236 tin bài),…

    Hầu hết thành ủy và các huyện ủy đều chỉ đạo triển khai Hệ thống hội nghị trực tuyến, Hệ hống thông tin phục vụ cuộc họp và xử lý công việc không giấy tờ; triển khai ứng dụng Phần mềm E-Office cho các cơ quan đảng và Phần mềm TD.Office cho khối các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện, đến nay việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử tăng cao (thành phố đạt 88,85% đối với UBND thành phố và 96,61% đối với cấp phường/xã; Ninh Sơn đạt 98,58% đối với UBND huyện và 99,38% đối với cấp xã/thị trấn; đạt 99,09% đối với UBND huyện và 84,48% đối với cấp xã); 100% DVC trực tuyến được triển khai thực hiện; việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến được thực hiện tốt (thành phố đạt 96,19% đối với UBND thành phố và 94,51% đối với cấp phường/xã; Ninh Sơn đạt 86,65% đối với UBND huyện và 59,59% đối với cấp xã/thị trấn; Thuận Bắc đạt 63,46% đối với UBND huyện và 99,34% đối với cấp xã). triển khai cập nhật hệ thống biểu mẫu, báo cáo trên hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tỉnh như chưa đầy đủ; thực hiện tốt việc kết nối và khai thác sử dụng hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư, cấp CCCD trên địa bàn thành phố, huyện; việc đăng tải tin bài trên Trang thông tin điện tử cũng được quan tâm thực hiện tốt (thành phố đăng tải hơn 653 tin bài; Ninh Sơn đăng tải hơn 890 tin bài và triển khai thực hiện thí điểm Trang TTĐT cấp xã tại thị trấn Tân Sơn, xã Quảng Sơn, xã Nhơn Sơn và xã Hoà Sơn; Thuận Bắc đăng tải hơn 350 tin bài),… Triển khai xây dựng và đưa Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố đi vào hoạt động.

    Văn phòng Tỉnh ủy đã chỉ đạo tập trung triển khai sử dụng tốt Phần mềm gửi nhận và xử lý văn bản E-Office, đến nay, tỷ lệ trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng đạt 95%. Triển khai cập nhật đầy đủ hệ thống biễu mẫu báo cáo lên Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp uỷ, đến nay, có tổng số 47 cơ quan, đơn vị tham gia nhập liệu trên phần mềm với gần 300 tài khoản, cập nhật 610/1.030 biễu mẫu báo cáo;, đến đã số hóa, cập nhật 8.988 trang tài liệu/142 đơn vị bảo quản trên Hệ thống thông tin quản lý tài liệu cơ quan đảng; đăng tải 153 tin bài trên Cổng thông tin thành phần Văn phòng Tỉnh ủy và 370 tin bài trên Cổng thông tin Đảng bộ tỉnh.

    Cơ quan Tỉnh đoàn đã triển khai Hệ thống hội nghị trực tuyến; việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử quan hệ thống E-Office đạt 94,26%; triển khai họp không giấy tờ thông qua quét mã QR và phần mềm E-Office; tích cực phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng DVC trực tuyến; đăng tải hơn 500 tin bài trên Trang TTĐT,… [↑](#footnote-ref-17)
18. + Sàn Sendo: (1) Sản phẩm hành tím của HTX DV-NN thu mua nông sản Thanh Hải, (2) Sản phẩm nho xanh của Công ty TNHH SX-TM nông sản Thái Thuận Ninh Thuận, (3) Các sản phẩm chế biến từ nha đam của Công ty CP thực phẩm Cánh Đồng Việt.

    + Sàn PostMart: Hỗ trợ đưa 06 cơ sở: (1) Cơ sở Lê Nhân (mật nho, táo sây, nho sấy, rong sụn, đậu phọng, vang nho,…); (2) Nước mắm nhỉ cá cơm truyền thống Chi Ninh Cà Ná (nước mắm); (3) HKD Nguyễn Công Trường (hành tím, tỏi, nghệ viên mật ong, ngũ cốc, mũ trôm khô, nho sấy, xoài sấy,…); (4) HKD Chamalea Sơn; (5) HKD Vũ Quang Hưng; (6) Cơ sở kinh doanh Dê, Cừu Triệu Tín (thịt dê, cừu sấy). [↑](#footnote-ref-18)
19. Tổng số doanh nghiệp hoạt động đến ngày 20/11/2023, có 4.303 doanh nghiệp/88.895 tỷ đồng, trong đó có 1.504 doanh nghiệp đã sử d ng Căn c ớc công dân để đăng ký doanh nghiệp, chiếm 35,05%; trong đó có 876 doanh nghiệp đanghoạt động có đăng ký ngành nghề thuộc các loại hình sản xuất phần cứng, điện tử, sản xuất phần mềm, cung cấp dịch v CNTT, phân phối sản phẩm CNTT, chiếm 20,35%. Tỷ lệ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký, sửa đổi, bổ sung qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ https://dangkykinhdoanh.gov.vn chiếm tỷ lệ 77,87%. [↑](#footnote-ref-19)
20. Cục thuế đã hoàn thành kế hoạch 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Cụ thể, tính đến ngày 13/11/2023, đã có 3.775 doanh nghiệp, 913 hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai đăng ký sử dụng HĐĐT và 19 triệu HĐĐT được phát hành. (so với 9 tháng đầu năm 2023 tăng thêm 66 doanh nghiệp và 18 hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai đăng ký sử dụng HDDT và trên 2 triệu HDDT được phát hành) [↑](#footnote-ref-20)
21. Giai đoạn 1 (đến 31/4/2023): Chỉ tiêu 4 DN, HKD; triển khai thực hiện: 5/4 DN, HKD đã đăng ký sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền (đạt 125%); Giai đoạn 2 (đến 31/12/2023): Chỉ tiêu 45 DN, HKD. Tính đến ngày 13/11/2023, trên địa bản tỉnh đã có 45 DN, HKD đã đăng ký sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền (đạt 100%) và 105.062 HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền được phát hành. [↑](#footnote-ref-21)
22. Tổng doanh số thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 314.792 tỷ đồng/ 39.677.296 món, chiếm 70,07% trong tổng doanh số thanh toán qua ngân hàng, tăng 67.436 tỷ đồng (+27,26%) và tăng 30.643.793 món (+339,22%) so với năm 2022; ngành giáo dục và đào tạo thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt trong năm học 2022-2023 là 8,9 tỷ; đạt 44,3%, trong đó các trường thuộc địa bàn thành phố đạt trên 73,38%, các trường thuộc các huyện không thu được học phí không dùng tiền mặt là Thuận Nam, Thuận Bắc, Bác Ái; ngành y tế đang đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí, tính đến ngày 15/11/2023 tổng số lượt thanh toán viện phí không dùng tiền mặt trên toàn tỉnh là 52.681/409.374 lượt có phát sinh chi phí, với tổng số tiền được thanh toán là 38.871.998.160 đồng. Tỷ lệ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 12,87%; ngành Lao động, Thương binh và Xã hội tiến hành thu thập thông tin mở tài khoản cho đối tượng đến tháng 11/2023 và thực hiện chi trả qua tài khoản không dùng tiền mặt là 3.878/15.127 (Người có công, bảo trợ xã hội) chiếm 25,63% so với tổng số đối tượng quản lý, với số tiền chi trả qua tài khoản trên 3,7 tỷ đồng; ngành Công thương cung cấp danh sách các doanh nghiệp/hộ kinh doanh tham gia Hội chợ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho 48 doanh nghiệp tham gia tại Hội chợ Công thương Khu vực Nam Trung bộ - Ninh Thuận năm 2023. [↑](#footnote-ref-22)
23. **Ngành Y tế** tham mưu UBND tỉnh ban hành, triển khai Đề án thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và một số bệnh viện tuyến tỉnh. Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/11/2023 tổng số lượt thanh toán viên phi thông qua hình thức thanh toán điện tử không sử dụng tiền mặt trên toàn tỉnh là: 52.681/409.374 lượt có phát sinh chi phí, với tổng số tiền được thanh toán là: 38.871.998.160 đồng. Tỷ lệ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 12,87%. **Ngành Nông nghiệp** thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, đến nay đã có 631 khách hàng đăng ký thực hiện; phối hợp với Sở Công Thương hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản trên sàn thương mại điện tử, với 123 sản phẩm OCOP được đưa lên sàn thương mại điện tử tỉnh*.* **Ngành Giáo dục** tăng cường triển khai thu học phí không dùng tiền mặt, tổng thu các khoản giao dịch là 28.372.934.800 đồng; Trong đó, thanh toán không dùng tiền mặt đạt 59,63%. So với cùng kỳ năm trước tăng 19,6%. Hầu hết các ngành: Y tế, Nông nghiệp, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường đều chưa triển khai đầy đủ nhiệm vụ về phát triển kinh tế số của ngành theo Quyết định 411/QĐ-TTg. **Thành ủy Phan Rang – Tháp Chàm** đẩy mạnh các hoạt động về thanh toán không dùng tiền mặt, với 100% cơ quan, đơn vị thực hiện thu và chi ngân sách nhà nước, 73,38% thu học phí của các trường học, thanh toán hóa đơn tiền điện qua ngân hàng với 95.918 lượt khách hàng, đạt trên 90%; phối hợp với các đơn vị liên quan đưa các sản phẩm của 13 đơn vị lên sàn thương mại điện tử trong nước, 100% sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử tỉnh; tổ chức 26 lớp tập huấn, hội thảo ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp,…**Huyện ủy Ninh Sơn** triển khai phối hợp đưa 05 cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử tỉnh; các hoạt động về thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh, thực hiện thí điểm việc chi trả trợ cấp người có công không dùng tiền mặt với số lượng 200 người, bảo trợ 400 người, triển khai thu học phí không dùng tiền mặt. **Huyện ủy Thuận Bắc** đưa các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện tiếp cận hình thức bán hàng trực tuyến; các hoạt động về thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh, 6 tháng đầu năm 2023 có 792/4.874 lượt bệnh nhân thanh toán không sử dụng tiền mặt, đạt tỷ lệ 16,25%, triển khai kết nối thanh toán với các đơn vị trường học, bệnh viện, chi nhánh điện lực, công ty cấp thoát nước, các chi nhánh bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện. **Tỉnh đoàn** tích cực triển khai Công trình thanh niên “Phát triển 20.000 tài khoản Thanh toán không dùng tiền mặt”, đạt 115,4%; tổ chức tuyên truyền sự kiện chuyển đổi số Ngành Ngân hàng, phối hợp triển khai cuộc thi “Tìm hiểu về thanh toán không dùng tiền mặt” năm 2023; tổ chức lớp tập huấn chuyển đổi số cho thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp tại huyện Ninh Phước, với 50 đoàn viên tham gia; ký kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2023-2025 với các ngân hàng BIDV, Vietinbank để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. [↑](#footnote-ref-23)
24. Hệ thống quản lý giáo dục được triển khai với 526 trường/4.584 lớp/135.076 học sinh - cấp tài khoản cho người dùng (CBQL-GV-NV- Phụ huynh), tuyển sinh đầu cấp, sổ điểm giáo viên, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, thu học phí không dùng tiền mặt; hồ sơ sức khỏe điện tử được triển khai với 610.351 hồ sơ được khởi tạo/655.328 dân, đạt tỷ lệ 93,9%; 23,9% người dân cài đặt ứng dụng sổ sức khỏe điện tử và 17/72 cơ sở y tế cấp xã trở lên có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; tính đến ngày 11/6/2023, tỉnh Ninh Thuận đã hoàn thành việc thu nhận hồ sơ CCCD cho 561.747/561.747 công dân đủ điều kiện cấp CCCD trên địa bàn tỉnh, đạt 100%, Tính đến 15/9/2023, toàn tỉnh đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu kích hoạt tài khoản định danh điện tử: 322.042/319.284 tài khoản, đạt 100,86%; tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên số có tài khoản giao dịch tại ngân hàng đạt 70%; tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tài chính - ngân hàng điện tử đạt 24,8%; tỷ lệ thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt đạt trên 90%; tỷ lệ thu học phí không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh đạt 44,3%; tỷ lệ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 13,9%. [↑](#footnote-ref-24)
25. Tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh đã thu nhận hồ sơ ĐDĐT: 448.639 trường hợp (mức 1: 159.275 hồ sơ, mức 2: 289.364 hồ sơ); Kết quả kích hoạt tài khoản ĐDĐT: 328.656 tài khoản (mức 1: 63.492 tài khoản, mức 2: 265.164 tài khoản); phát triển hạ tầng kết nối số, đẩy mạnh việc cung cấp, khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số như y tế số, giáo dục số, du lịch số,…Thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển xã hội số, giúp người dân trên địa bàn có kỹ năng số, có thể sử dụng thành thạo nền tảng số để thụ hưởng cuộc sống tốt hơn thông qua sử dụng các dịch vụ số. Ngành Thông tin và Truyền thông đã phối hợp các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng số, kết nối số; triển khai thu thập, cập nhật nền tảng địa chỉ số đạt 100%; triển khai đạt 100% DVC trực tuyến; phối hợp đào tạo, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động đạt 34,8%; triển khai xây dựng app công dân số Ninh Thuận. Ngành Y tế đẩy mạnh triển khai và tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt sử dụng nền tảng quản lý tiêm chủng, hồ sơ sức khỏe điện tử và 17/72 cơ sở y tế cấp xã trở lên có kết nối hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; 100% cơ sở y tế khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chíp, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt,… Ngành Giáo dục tập trung triển khai hệ thống quản lý giáo dục để quản lý, tuyển sinh đầu cấp, sổ điểm giáo viên, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, thu học phí không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Ngành Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của 16 xã, phường, từng bước cung cấp dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp. Hầu hết các ngành: Y tế, Nông nghiệp, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường đều chưa triển khai đầy đủ nhiệm vụ về phát triển xã hội số của ngành theo Quyết định 411/QĐ-TTg.

    **UBND thành phố** đẩy mạnh đầu tư máy tính trong quản lý và dạy học cho 100% các trường THCS và Tiểu học; 100% trường THCS và Tiểu học sử dụng Hệ chương trình quản lý giáo dục, học bạ điện tử; 100% cơ sở y tế triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT, nền tảng quản lý tiêm chủng, hồ sơ sức khỏe điện tử (tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 99,07% và cập nhật dữ liệu khám chữa bệnh đạt 76,37%); hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa (59 lượt hỗ trợ), khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chíp, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt,.. **UBND huyện Ninh Sơn** đẩy mạnh triển khai 100% trường THCS và Tiểu học sử dụng Hệ chương trình quản lý giáo dục, học bạ điện tử; rà soát, tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 76,44%; triển khai thực hiện khám bệnh bằng thẻ CCCD gắn chíp, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt,.. **UBND huyện Thuận Bắc** đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục, y tế: 100% các trường THCS và Tiểu học được trang bị máy tính dùng trong công tác quản lý và dạy học; rà soát, làm sạch, cập nhật dữ liệu tiêm chủng đạt 99%; triển khai tư vấn, khám chữa bệnh từ xa cho Trạm Y tế Bắc Phong ở mức 01, đến nay có 235 lượt tư vấn; triển khai thực hiện khám bệnh bằng thẻ CCCD gắn chíp tại Bệnh viện huyện và 05 TYT xã.

    **Cơ quan Tỉnh đoàn** đã chỉ đạo tập trung hỗ trợ thúc đẩy quá trình phát triển xã hội số như hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tài khoản định danh điện tử VneID, giao dịch trên sàn thương mại điện tử, các dịch vụ số phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội,... Xây dựng cập nhật 14/15 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh lên Bản đồ số địa chỉ đỏ tỉnh, triển khai công trình thanh niên như công trình quét mã QR công viên Biển Bình Sơn “Tuổi trẻ Văn Hải tiên phong chuyển đổi số quảng bá du lịch”, quét mã QR tìm hiểu về di tích lịch sử tại một số di tích lịch sử trong tỉnh. [↑](#footnote-ref-25)
26. Phụ lục 3: Các nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin triển khai thực hiện của các cơ quan nhà nước [↑](#footnote-ref-26)
27. Theo hướng dẫn của Bộ TTTT [↑](#footnote-ref-27)
28. Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở tỉnh; Xây dựng quy định, hướng dẫn về nội dung, cấu trúc dữ liệu. [↑](#footnote-ref-28)